

Bản án số: 34/2023/HS-ST
Ngày 18-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Sớm;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2023/TLST-HS, ngày 14 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Thị N, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1994 tại Quảng Ninh. Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và con bà Bàn Thị H; bị cáo có chồng là Lê Công H, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Bùi Văn S (đã chết). Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1982, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 14 tháng 10 năm 2022); có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Quang V; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 05 tháng 10 năm 2022, Hoàng Thị N (có giấy phép lái xe theo quy định), điều khiển xe mô tô loại Nova Grande màu xanh, BKS: 34B3-202.35 đi trên tỉnh lộ 360 theo hướng từ huyện T, tỉnh Hải Dương sang huyện A, thành phố Hải Phòng. Khi N điều khiển xe mô tô đến đoạn đường thuộc địa phận Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng thì gặp ông Bùi Văn S đang đi bộ qua đường. Do không chú ý quan sát, nên khi phát hiện thấy ông S đi đến gần giữa đường thì lúc này xe mô tô của N chỉ cách ông S khoảng 02 mét, N không kịp xử lý đã đâm vào làm ông S và N ngã ra đường. Hậu quả ông S bị thương phải đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện K, đến 19 giờ 20 phút ngày 06 tháng 10 năm 2022 thì tử vong.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và dựng lại hiện trường xác định: Đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông có lòng đường rộng 09m, được trải nhựa bằng phẳng, sát vị trí mép lề đường hai bên là phần đường cống thoát nước rộng 0,8m lề đường bên phải rộng 02m. Tất cả dấu vết được ghi nhận theo chiều đi từ cầu Q đi ngã tư Q, lấy mép đường bên phải làm chuẩn.

Xe mô tô BKS: 34B3-202.35 nằm đổ nghiêng tay lái bên trái ở giữa lòng đường, đầu xe quay hướng đi ngã tư Q, đuôi xe quay hướng đi cầu Q; trực sau xe cách mép lề phải là 4,1m, trực trước xe cách mép lề phải là 3,9m và vào giữa cửa nhà chị Nguyễn Thị H là 09m.

Có 01 vết xước còn mới ở phía dưới lòng đường hình thành do tiếp xúc giữa xe mô tô BKS: 34B3-202.35 với mặt đường. Vết xước có chiều dài 8,3m, điểm đầu của vết này cách mép lề bên phải đường là 3,3m, điểm cuối của vết này cách mép lề phải đường 3,5m và cách trực sau xe mô tô BKS: 34B3-202.35 là 3,2m.

Vị trí ông S nằm dưới lòng đường ở phần đường bên phải, đầu quay hướng đi ngã tư Q, chân quay hướng đi cầu Q, đỉnh đầu cách mép lề phải là 1,35m và cách trực trước xe mô tô BKS: 34B3-202.35 là 3,2m, bàn chân cách mép lề phải là 0,8m.

Vết máu ở phía dưới lòng đường có kích thước (0,2 x 0,1)cm, tâm vết này cách mép lề phải là 4,7m và cách trực trước xe mô tô BKS: 34B3-202.35 là 0,9m.

Kết quả khám xe mô tô BKS: 34B3-202.35 xác định: Mặt ngoài tay lái bên trái có vết mài xước nhựa kích thước (3x1)cm; đầu tay phanh bên trái có vết xước kim loại kích thước (1x1)cm; đầu tay phanh bên trái có vết mài xước kim loại kích thước (1x1)cm; mặt ngoài chắn bùn bánh trước có vết mài xước nhựa kích thước (4x2)cm có chiều từ trước về sau; mặt ngoài cánh yếm bên phải có vết nứt vỡ kích thước 12cm.

Bản kết luận giám định số 222/KL-KTHS(KTS) ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “02 (hai) tập tin video có phần mở rộng “MP4” tổng dung lượng 3,11 MB được lưu trong 01 USB nhãn hiệu Kingston 16GB đã qua sử dụng (ký hiệu A) không tìm thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh”.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 248/2022/TT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: "Nạn nhân Bùi Văn S, sinh năm 1969, bị tai nạn giao thông chết vì suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp không hồi phục do chấn thương sọ não nặng".

Vật chứng của vụ án: Xe mô tô BKS: 34B3-202.35 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 125031, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Lê Công H là chồng của bị cáo Hoàng Thị N.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hoàng Thị N đã bồi thường cho bị hại số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Đại diện của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Thị N đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Bản Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Hoàng Thị N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị N từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về phần bồi thường: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 70.000.000đ (*bảy mươi triệu đồng*), đại diện của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về vật chứng: Trả lại bị cáo 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 221165002335 mang tên Hoàng Thị N. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện A thành phố

Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Hoàng Thị N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai các người làm chứng, sơ đồ hiện trường, kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám nghiệm phương tiện, clip thu giữ, kết luận giám định pháp y về nguyên nhân chết của ông Bùi Văn S cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 05 tháng 10 năm 2022, tại tỉnh lộ 360 thuộc địa phận Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, Hoàng Thị N điều khiển xe mô tô BKS: 34B3-202.35 do không tuân thủ quy định về tốc độ đã đâm vào ông Bùi Văn S đang đi bộ qua đường làm ông S bị thương phải đưa đi cấp cứu đến ngày 06 tháng 10 năm 2022 thì tử vong. Bị cáo Hoàng Thị N điều khiển xe mô tô khi tham gia giao thông đã vi phạm vào khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ và khoản 6 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Bộ giao thông vận tải. Khoản 1 Điều 12 Luật giao thông quy định về tốc độ xe: *“1. Người lái xe ...phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường...”*. Khoản 6 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT quy định: *“Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau: 6. Khi có người đi bộ....qua đường”*. Do vậy, hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hành vi này cấu thành tội: *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* quy định tại Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an toàn công cộng. Tuy nhiên cũng cần xem xét đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng đối với hành vi của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi gây tai nạn bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Bùi Văn C có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với bị hại ông Bùi Văn S có một phần lỗi khi đi bộ sang đường chưa đúng quy định, đã vi phạm khoản 3 Điều 32 Luật giao thông đường bộ. Điều luật ghi: “3. Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường”.

[7] Căn cứ vào hành vi của bị cáo, tính chất của vụ án và các tình tiết nêu trên. Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, phạm tội do lỗi vô ý, bị cáo có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo chấp hành án có điều kiện như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa chung và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn, hiện đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Thị N.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về vật chứng của vụ án: Đối với xe mô tô loại Nova Grande màu xanh BKS: 34B3-202.35 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 125031, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Lê Công H là chồng của bị cáo Hoàng Thị N. Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 221165002335 mang tên Hoàng Thị N trả lại Hoàng Thị N.

[11] Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Hoàng Thị N 18 (mười tám) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thị N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Hoàng Thị N.

Về vật chứng: Trả lại bị cáo Hoàng Thị N 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 221165002335 theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 6 năm 2023.

Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Hoàng Thị N và người đại diện hợp pháp của bị hại anh Bùi Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC 10 CATP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo, đại diện của bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn

Phần tranh tụng tại phiên tòa.

Chủ tọa: Đề nghị đại diện Viện kiểm sát công bố bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo.

** Chủ tọa trước khi tiến hành xét hỏi, chủ tọa hỏi KSV có trình bày ý kiến bổ sung gì thêm bản Cáo trạng không?*

H: Bị cáo nghe rõ nội dung bản Cáo trạng của ông Kiểm sát viên vừa công bố không? Bị cáo có ý kiến gì về nội dung bản Cáo trạng bị cáo nhận được với nội dung bản Cáo trạng bà Kiểm sát viên vừa công bố không?.....

HĐXX xét hỏi bị cáo

H: Bị cáo khai rõ cho HĐXX vào sáng ngày 07/12/2021 bị cáo đi đâu, làm gì, đi với ai? Xảy ra sự việc gì? (bị cáo điều khiển xe ô tô tải có cần cẩu mang BKS: 15C-330.23 đến thôn Bách Phương 3, xã An Thắng để chở cây cảnh.....

H: Bị cáo điều khiển xe ô tô có ai đi cùng trên xe ko?.....

Đ: Có anh Hải ngồi cùng ca bin xe.....

H: Bị cáo điều khiển xe ô tô có giấy phép lái xe không?

Đ: Có.....

H: Bị cáo cho biết bị cáo điều khiển xe ô tô BKS: 15C-330.23 đi như thế nào? Đi từ hướng nào về đâu?.....

H: Bị cáo cho biết trước khi bị cáo lùi xe vào đường có quan sát, kiểm tra đường có chướng ngại vật gì không?

Đ: Có quan sát.....

H: Xe ô tô BKS: 15C-330.23, loại gì, xe của ai? Đặc điểm, nguồn gốc xe ô tô (xe của bị cáo mua.....).

Đ: Xe ô tô của bị cáo loại xe tải mua về chở hàng.....

H: Bị cáo cho biết khi xảy ra tai nạn có những ai có mặt chứng kiến?

Đ: Có anh Hải ngồi cùng xe bị cáo.....

H: Bị cáo cho biết thời tiết, ánh sáng, mật độ giao thông tại thời điểm xảy ra tai nạn như thế nào?.....

H: Bị cáo cho biết mặt đường nơi xảy ra tai nạn như thế nào? khi bị cáo lùi xe ô tô có quan sát gương chiếu hậu ko? Có bị tre khuất khi lùi xe ko?.....

H: Bị cáo điều khiển xe ô tô với vận tốc bao nhiêu Km/h?. Theo quy định của Luật giao thông đường bộ khu vực đông dân cư quy định chạy với tốc độ bao nhiêu km/h?.....

H: Tai nạn xảy ra những ai bị thương tích? thương tích như thế nào?

H: Bị cáo cho biết vị trí bị hại nằm ở đâu, nằm như thế nào?

H: Sau khi bị cáo gây tai nạn có cứu nạn nhân ko hay bỏ trốn?.....

H: Nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn do đâu?.....

H: Bị cáo điều khiển xe ô tô bị cáo có sử dụng rượu, bia hay chất kích thích gì ko?.....

H: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại chưa? BT như thế nào?

H: Bị cáo nhận thức về hành vi của mình như thế nào?

H: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo có ý kiến gì đối với gia đình bị hại? (xin lỗi không).....

H: Xe ô tô của bị cáo hiện ở đâu? (đã nhận lại xe).....

H: Bị cáo đã nhận lại giấy tờ xe? (bằng lái xe, bảo hiểm xe.....).

Chủ tọa hỏi người đại diện của bị hại: Anh Bùi Sỹ Tích.

H: Anh Tích cho biết anh có quan hệ như thế nào với bị hại? (là anh con bác, chị Thu con ông chú).....

H: Anh Tích có chứng kiến sự việc xảy ra không? (không chứng kiến).

H: Anh Tích cho biết sau khi sự việc, bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền bao nhiêu? (95 triệu đồng).

H: Tại phiên tòa hôm nay anh có yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo không?

H: Tại phiên tòa hôm nay anh có đề nghị gì HĐXX không? (xin giảm TNHS cho bị cáo không?

Chủ tọa hỏi người làm chứng: Nếu có mặt.

H: Anh Hải cho biết anh có quan hệ như thế nào với bị cáo?

H: Anh Hải chứng kiến vụ việc tai nạn xảy ra như thế nào?

H: Anh cho biết khi bị cáo lùi xe anh đang ở đâu?

H: Khi bị cáo lùi xe, bị cáo có xuống kiểm tra, quan sát đường ko?

H: Ngoài anh chứng kiến vụ việc còn ai khác chứng kiến?

Hội thẩm nhân dân hỏi.

Kiểm sát viên hỏi

Chủ tọa công bố tài liệu trong vụ án:

1. Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 332/2021/TT ngày 10/12/2021 của Trung tâm pháp y Hải Phòng BL số: **104.**

2. Bản kết luận giám định số 972/KLGĐ xe ô tô. BL số: **108**

3. Kết quả test thử chất gây nghiện 4 chỉ số. BL số: **39.**

***. Nếu đại diện người bị hại vắng mặt tại phiên tòa:**

1. Giấy ủy quyền ngày 17/12/2021, BL số: **101;**

2. Lời khai anh Bùi Sỹ Tích tại BL số: **109- 110- 111.**

3. Giấy giao tiền BL số: **125).**

4. Đơn xin giảm TNHS bị cáo BL số: **128.**

***. Lời khai người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Văn Hải, BL: **113 -114.**

- Ông Hoàng Văn Mông, BL: **119- 120**

Chủ tọa hỏi:

H: Bị cáo có ý kiến gì về các tài liệu vừa công bố?

H: Đại diện của bị hại có ý kiến gì về các tài liệu vừa công bố?

Chủ tọa hỏi: HTND, KSV còn có ý kiến xét hỏi thêm vấn đề gì khác đối với bị cáo không, người bị hại?

Không ai còn ý kiến xét hỏi, chủ tọa tuyên bố kết thúc phần xét hỏi chuyển sang phần tranh luận tại phiên tòa.

Chủ tọa đề nghị KSV trình bày bản luận tội đối với bị cáo.

Chủ tọa hỏi bị cáo có ý kiến tranh luận đối đáp với bản luận tội của KSV.

Chủ tọa hỏi: **Đại diện của bị hại có ý kiến trình bày quan điểm, tranh luận về bản luận tội của KSV đối với bị cáo không?**

Chủ tọa hỏi: KSV có bổ sung gì thêm bản luận tội không?

Không ai còn ý kiến gì,

Bị cáo được nói lời nói sau cùng trước khi HĐXX nghị án.

Chủ tọa tuyên bố HĐXX nghị án.

Chủ tọa tuyên án.

Chủ tọa tuyên bố kết thúc phiên tòa.

